

Canada siết chặt tiêu chí an toàn cho tủ quần áo độc lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, Bộ Y tế Canada đã cập nhật đánh giá nguy cơ và sửa đổi Bảng 3 của Phương pháp tiếp cận các lệnh cấm chung theo CCPSA. Cơ quan này kết luận các thiết bị tủ quần áo độc lập (CSU) không đáp ứng tiêu chuẩn ASTM F2057-23 sẽ bị coi là có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe và an toàn của con người. Các nội dung chính bao gồm:

Đối tượng áp dụng: Các loại tủ đứng độc lập như tủ ngăn kéo (dresser), tủ hộc kéo (chest) và tủ quần áo lớn (armoire) có chiều cao tối thiểu 686 mm, trọng lượng trên 13,5 kg và có không gian chứa đồ lớn.

Mục đích quy định: Siết chặt yêu cầu về độ ổn định nhằm giảm thiểu rủi ro lật đổ đồ nội thất không được cố định vào tường, giúp bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ thương tích hoặc tử vong.

Tiêu chuẩn ASTM F2057-23 đặt ra các quy định kỹ thuật như sau: nhằm mô phỏng các tình huống thực tế khi trẻ em tương tác với tủ quần áo độc lập. Để vượt qua chứng nhận và được phép lưu hành tại Bắc Mỹ, sản phẩm phải đạt được các yêu cầu thử nghiệm tải trọng và kết cấu cốt lõi sau đây:

1. Ba bài kiểm tra độ ổn định vật lý (Stability Tests)

Trong suốt các quá trình thử nghiệm này, tủ không được phép lật đổ hoặc không được tự nâng đỡ chỉ bằng các bộ phận đang mở.

Thử nghiệm tải trọng quần áo giả định (Simulated Clothing Load Test): Tất cả các ngăn kéo và cửa tủ được kéo mở hoàn toàn cùng lúc (trừ trường hợp tủ có trang bị hệ thống khóa liên động interlock chỉ cho mở một ngăn duy nhất).

Yêu cầu: Đổ đầy tải trọng giả định vào các ngăn kéo dựa trên mật độ thể tích lưu trữ quy định nhằm mô phỏng một chiếc tủ chứa đầy quần áo nặng. Tủ phải đứng vững ổn định, không nghiêng đổ.

Thử nghiệm lực kéo ngang động (Simulated Horizontal Dynamic Force Test): Kéo mở một ngăn kéo ở vị trí cao nhất. Áp dụng một lực kéo ngang có giá trị 10 lbf (khoảng 44.5 N) vào điểm tay nắm cao nhất (lên đến độ cao tối đa 1.42 m).

Yêu cầu: Lực này mô phỏng hành vi một đứa trẻ dùng tay bám và kéo mạnh ngăn kéo ra ngoài. Kết cấu chân đế và trọng tâm của tủ phải triệt tiêu được

lực kéo này mà không bị lật.

Thử nghiệm trên thảm phản ứng với trọng lượng trẻ em (Reaction on Carpet with a Child Test): Tủ được đặt trên một bề mặt mô phỏng thảm mềm có độ lún (thay vì sàn phẳng cứng) để tạo độ mất cân bằng thực tế. Nhà kiểm định sẽ treo một khối lượng thử nghiệm nặng 60 lbs (tương đương 27.2 kg) vào mép ngoài của ngăn kéo đang mở.

Yêu cầu: Trọng lượng 60 lbs này mô phỏng chính xác cân nặng của một đứa trẻ khoảng 6 tuổi đang đu bám hoặc trèo lên ngăn kéo tủ. Tủ phải duy trì trạng thái đứng vững, không được nhấc móng hoặc đổ về phía trước.

2. Yêu cầu về Thiết bị chống lật đi kèm (Anti-Tip Device)

Nhà sản xuất không chỉ bán tủ mà bắt buộc phải đóng gói kèm theo giải pháp kỹ thuật phòng ngừa:

Bộ neo tường bắt buộc: Mỗi sản phẩm phải đi kèm một bộ thiết bị neo giữ tủ vào tường (Anti-tip kit) bao gồm dây cáp/dây đai chịu lực, vít và pát gắn tường.

Tiêu chuẩn riêng cho bộ neo: Bộ neo tường này phải tự vượt qua một tiêu chuẩn an toàn song song là ASTM F3096, đảm bảo dây đai và các linh kiện không bị đứt gãy dưới áp lực giật mạnh.

3. Yêu cầu cơ học đối với Hệ thống Khóa liên động (Interlock System)

Nếu nhà sản xuất chủ động thiết kế hệ thống khóa liên động (chỉ cho phép mở một ngăn kéo tại một thời điểm, các ngăn kéo còn lại tự động bị khóa chặt): Hệ thống cơ học này phải đảm bảo độ bền cao, hoạt động trơn tru sau hàng ngàn lần đóng mở liên tục trong phòng thí nghiệm.

Khi hệ thống interlock hoạt động hiệu quả, bài kiểm tra số 1 (mở tất cả các ngăn kéo cùng lúc) sẽ được miễn giảm, chỉ cần kiểm tra với một ngăn kéo mở duy nhất được phép.

Các yêu cầu về nhãn mác cụ thể bằng tiếng Anh và tiếng Pháp

Theo Đạo luật An toàn Sản phẩm Tiêu dùng Canada (CCPSA) và Đạo luật Đóng gói và Nhãn mác Tiêu dùng, tất cả đồ nội thất lưu trữ quần áo độc lập khi lưu hành tại Canada bắt buộc phải có nhãn mác song ngữ (Bilingual Labeling) bao gồm tiếng Anh và tiếng Pháp với mức độ hiển thị nổi bật ngang nhau.

Nhãn mác này được chia làm hai phần chính: Thông tin nhận diện thương mại và Nội dung cảnh báo an toàn lật đổ theo tiêu chuẩn ASTM F2057-23.

1. Quy định về Thông tin nhận diện thương mại

Phần này có thể ghi bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc cả hai (riêng tên quốc gia/địa danh hoặc tên công ty có thể giữ nguyên dạng gốc).

Định danh sản phẩm (Product Identity): Phải nêu rõ loại tủ bằng cả 2 ngôn ngữ ở vị trí dễ thấy lúc mua hàng. Tiếng Anh: Dresser / Chest of drawers / Armoire Tiếng Pháp: Commode / Chiffonnier / Armoire à vêtements

Thông tin nhà sản xuất (Dealer's Identity): Tên và địa chỉ đầy đủ của đơn vị sản xuất, nhập khẩu hoặc phân phối tại Canada để phục vụ mục đích truy xuất và thu hồi khi cần thiết.

Nguồn gốc xuất xứ (Country of Origin): Ví dụ: Made in Vietnam / Fabriqué au Vietnam.

Thông số sản xuất: Mã số mô hình sản phẩm (Model number), tháng và năm sản xuất.

2. Quy định mẫu câu Cảnh báo lật đổ (ASTM F2057-23)

Đây là phần quan trọng nhất, bắt buộc phải được dán cố định/vĩnh viễn (Permanent Label) ở vị trí dễ nhìn thấy khi sử dụng (ví dụ: mặt trong của ngăn kéo trên cùng hoặc mặt trong của cánh tủ).

Nội dung văn bản phải dịch thuật chính xác tuyệt đối như sau: Tiêu đề cảnh báo (Signal Word) Tiếng Anh: WARNING (In hoa, chữ đậm, đi kèm biểu tượng tam giác cảnh báo hình chấm than) Tiếng Pháp: AVERTISSEMENT

3. Quy định về Thẻ treo thông tin độ ổn định (Hangtag)

Bên cạnh nhãn dán cố định trên tủ, sản phẩm khi đóng gói/bày bán phải đi kèm một thẻ treo (Hangtag) cung cấp dữ liệu hiệu suất kiểm tra độ ổn định của tủ. Thẻ treo này cũng bắt buộc trình bày song ngữ: Tiếng Anh: Complies with U.S. CPSC and Health Canada Safety Standards for Clothing Storage Units. Tiếng Pháp: Conforme aux normes de sécurité de la CPSC des États-Unis et de Santé Canada pour les meubles de rangement pour vêtements.

4. Định dạng đồ họa và Kích thước (Format Requirements)

Màu sắc: Chữ cảnh báo và các biểu tượng hình ảnh (pictograms) mô tả trẻ em

trèo tủ bị lật phải có màu tương phản mạnh với nền (thường là chữ đen trên nền trắng, riêng từ khóa WARNING/AVERTISSEMENT nằm trong khối màu cam hoặc đỏ).

Kích thước biểu tượng hình ảnh: Mỗi ô chứa biểu tượng hình ảnh minh họa nguy hiểm lật tủ phải đạt kích thước tối thiểu là 31.8 mm x 31.8 mm.

Thời gian điều khoản này được áp dụng

Không có thời gian chuyển tiếp hoặc thời gian có hiệu lực theo luật định, vì các lệnh cấm chung của CCPSA trong đoạn 7(a) và 8(a) đã có hiệu lực, nên việc cập nhật quy định này không phải là một quy định mới cần chờ ngày hiệu lực. Quy định chỉ thể hiện quan điểm thực thi và đánh giá của Bộ Y tế về việc sản phẩm nào được xem là gây nguy hiểm cho sức khỏe hoặc an toàn con người.

Bộ Y tế Canada có thể thực hiện hành động tuân thủ hoặc cưỡng chế bất cứ lúc nào khi có lý do để tin rằng một sản phẩm gây nguy hiểm cho sức khỏe hoặc sự an toàn của con người hoặc không tuân thủ CCPSA hoặc các quy định của nó, bao gồm cả các sản phẩm mới được thêm vào hoặc được cập nhật gần đây.

Quy định này ảnh hưởng nhiều nhất đến đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ, mặc dù không giới hạn theo vật liệu mà theo loại sản phẩm và nguy cơ lật đổ.

Các nhóm sản phẩm chịu tác động lớn nhất gồm:

Tủ quần áo (dressers)

Tủ ngăn kéo (chests of drawers)

Tủ cao nhiều ngăn (drawer chests, tall chests)

Armoires (tủ áo đứng)

Door chests (tủ kết hợp cánh và ngăn kéo)

Đây là những sản phẩm thường:

- + Có chiều cao lớn.

- + Có nhiều ngăn kéo; khi nhiều ngăn được mở cùng lúc, trọng tâm dịch chuyển về phía trước làm tăng nguy cơ lật.

- + Được sử dụng trong phòng ngủ của trẻ em và người lớn, nơi đã xảy ra nhiều vụ tai nạn do trẻ em leo trèo lên ngăn kéo.

Mặc dù quy định áp dụng cho mọi vật liệu (gỗ, MDF, ván dăm, kim loại, nhựa...), nhưng trên thị trường Canada:

Phần lớn các CSU là đồ nội thất bằng gỗ hoặc gỗ công nghiệp (solid wood, MDF, particleboard).

Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ phòng ngủ là nhóm phải đánh giá lại thiết kế để đáp ứng yêu cầu chống lật của ASTM F2057-23.

Các sản phẩm như tủ đầu giường (nightstands) hoặc bàn trang điểm nhỏ có thể không thuộc phạm vi nếu không đáp ứng các ngưỡng về kích thước, khối lượng hoặc thể tích lưu trữ.

Đối với Việt Nam, quy định này đặc biệt đáng chú ý đối với các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ phòng ngủ sang Canada, vì đây là nhóm sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu đồ gỗ. Các doanh nghiệp sản xuất tủ quần áo, tủ ngăn kéo và các sản phẩm lưu trữ quần áo độc lập cần đánh giá thiết kế và thử nghiệm theo ASTM F2057-23 (hoặc tiêu chuẩn tương đương) để giảm nguy cơ sản phẩm bị coi là không đáp ứng yêu cầu khi đưa vào thị trường Canada.

Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất phòng ngủ bằng gỗ lớn nhất cho Canada

Theo thống kê của Trademap, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 của Canada 4 tháng đầu năm 2026 đạt 128,9 triệu USD, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Canada nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 nhiều nhất từ thị trường Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 đạt 41,8 triệu USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 32,4% tổng kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 của Canada.

4 tháng đầu năm 2026, Canada nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 từ thị trường Trung Quốc đạt 34,5 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 26,8% tổng kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 của Canada.

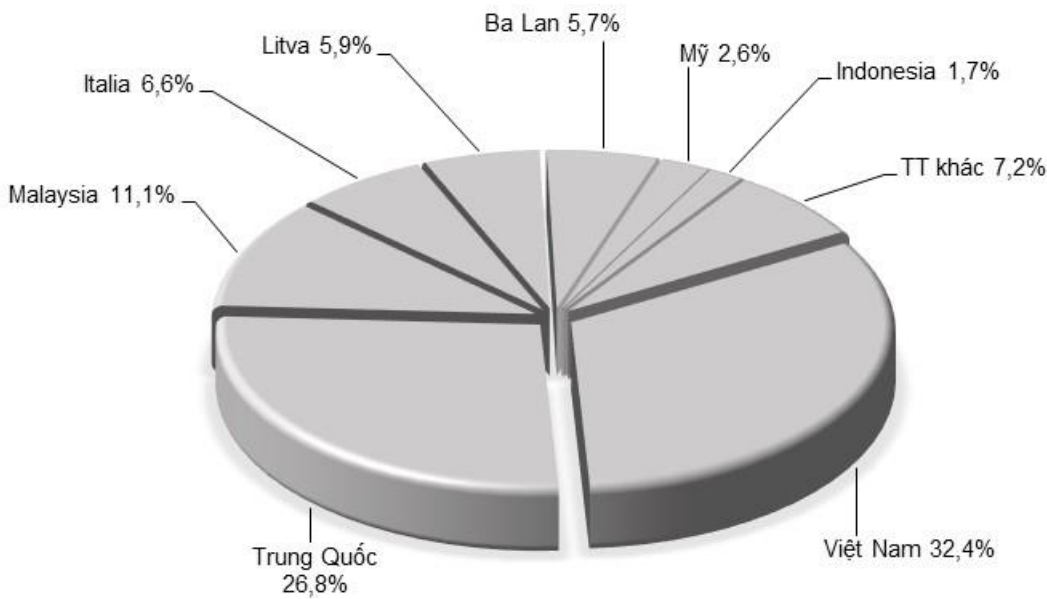
Canada nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 từ thị trường Malaysia trong 4 tháng đầu năm 2026 đạt 14,3 triệu USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 11,1% tổng kim ngạch

nhập khẩu của Canada.

4 tháng đầu năm 2026, Canada nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 từ thị trường Italia đạt 8,5 triệu USD, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 6,6% tổng kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 của Canada.

Cơ cấu thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ dùng trong phòng ngủ mã HS 940350 của Canada trong 4 tháng đầu năm 2026

(tỷ trọng theo trị giá)



Nguồn: Trademap

Thị trường cung cấp đồ nội thất phòng ngủ cho Canada trong 4 tháng đầu năm 2026

Thị trường	4 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng 4T-2025 (%)	Tỷ trọng 4T-2026 (%)
Tổng	128.938	-5,1	100	100,0
Việt Nam	41.800	-2,0	31,4	32,4
Trung Quốc	34.494	8,0	23,5	26,8
Malaysia	14.321	3,6	10,2	11,1
Italia	8.519	-4,1	6,5	6,6
Litva	7.645	-11,6	6,4	5,9
Ba Lan	7.333	-16,0	6,4	5,7

Thị trường	4 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng 4T-2025 (%)	Tỷ trọng 4T-2026 (%)
Mỹ	3.291	-36,3	3,8	2,6
Indonesia	2.238	-6,6	1,8	1,7
Ấn Độ	1.486	4,7	1,0	1,2
Séc	1.367	-61,7	2,6	1,1
Brazil	1.316	-50,5	2,0	1,0
Đài Loan	1.273	7,8	0,9	1,0
Thụy Điển	866	29,3	0,5	0,7
Canada	482	69,7	0,2	0,4
Thổ Nhĩ Kỳ	357	-25,2	0,4	0,3
Mexico	280	22,8	0,2	0,2
Slovakia	228	-9,9	0,2	0,2
Romania	178	-33,1	0,2	0,1
Campuchia	173	620,8	0,0	0,1
Đức	147	-26,5	0,1	0,1
Latvia	138	-53,8	0,2	0,1
Đan Mạch	125	-22,4	0,1	0,1
Pháp	108	-47,6	0,2	0,1
Bồ Đào Nha	100	-18,7	0,1	0,1

Nguồn: Trademap